

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 11/7/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Như

2/ Ông Lý Quốc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2023/TLST-DS ngày 9 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn C T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thị trấn T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Dương V H, sinh năm 1975 và bà Bùi T N, địa chỉ: Thị trấn T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ông T có mặt, ông H và bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:* Vào năm 2020 ông Dương V H và bà Bùi T N có đến cửa hàng của ông mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật và còn nợ lại số tiền 36.945.000.000đ, nay đã quá hạn nhưng ông H và bà N chưa trả hết số tiền trên.

Nay ông yêu cầu Dương V H và bà Bùi T N phải liên đới trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 36.945.000 (Ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H và bà N trả số tiền nợ gốc là 36.945.000.000đ và không yêu cầu tính lãi

Bị đơn ông Dương V H và bà Bùi T N đã được Tòa án tổng đạt theo thủ tục tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập bị đơn để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng ông H và bà N tiếp tục vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, ông T khởi kiện yêu cầu ông Dương V H và bà Bùi T N trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại thị trấn T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông H và bà N trả số tiền 36.945.000đ, ông T có cung cấp được các biên nhận mua bán có tên và chữ ký của ông Dương V H và bà Bùi T N. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có đủ căn cứ xác định chữ ký của bị đơn là ông ông Dương V H và bà Bùi T N là chứng cứ chứng minh ông Dương V H và bà Bùi T N còn nợ ông T số tiền 36.945.000 đồng trong hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy

định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ...bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp, *Do quá thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm thời hạn thanh toán. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C T là phù hợp*

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ông T không yêu cầu ông Dương V H và bà Bùi T N trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Về án phí:

Ông Dương V H và bà Bùi T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.847.000 đồng.

Ông Nguyễn C T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C T đối với ông Dương V H và bà Bùi T N, về việc yêu cầu trả tiền nợ mua bán.

Buộc ông Dương V H và bà Bùi T N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn C T số tiền 36.945.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Dương V H và bà Bùi T N phải chịu số tiền 1.847.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ông Nguyễn C T không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 924.000 đồng (Chín trăm hai mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010592 ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Dương V H và bà Bùi T N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi